

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc

Ông Phạm Đức Hoàn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Lê Duy D; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị H, anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Duy D kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ giữa năm 2000, nhưng mãi đến ngày 08/01/2002 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng hơn 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh D thỉnh thoảng còn đánh đập chị. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2024 cho đến nay, tuy vợ chồng vẫn sống chung một nhà

nhưng không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thùy D1, sinh ngày 04/6/2002 và cháu Lê Duy N, sinh ngày 25/10/2011. Hiện cháu D1 đã thành niên, có khả năng lao động, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm tại Bệnh viện đa khoa khu vực N, thu nhập bình quân hằng tháng khoảng 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), chị đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Duy D trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, thỉnh thoảng cũng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Có lần do chị H chửi anh nên anh có tát chị H. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà, anh vẫn quan tâm chị H. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thùy D1, sinh ngày 04/6/2002 và cháu Lê Duy N, sinh ngày 25/10/2011. Hiện cháu D1 đã thành niên, có khả năng lao động, anh D không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu ly hôn, anh giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H, anh D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Duy D. Giao cháu Lê Duy N, sinh ngày 25/10/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Duy D, nơi cư trú tại Khu phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh D không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh D theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh D đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh D đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Duy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Chị H cương quyết muốn được ly hôn. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và anh cũng có tát chị H. Điều đó chứng tỏ chị H, anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh D.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung. Hiện cháu D1 đã thành niên, có khả năng lao động. Chị H và anh D không yêu cầu nên không xem xét.

Chị H và anh D đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi cháu N. Xét thấy, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu N. Chấp nhận yêu cầu của chị H và anh D: giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị H, đây là sự tự nguyện của chị H, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị H, anh D không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Duy D.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Duy N, sinh ngày 25/10/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004390 ngày 04/10/2024. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh